

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 310/2025/DS-PT

Ngày: 08-7-2025

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

- Bà Dương Thuý Hằng;
- Ông Trần Thanh Tòng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 238/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966; trú tại: Số A, đường P, khu phố E, phường C, T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T: Bà Huỳnh Tuyết Á, sinh năm 1982; trú tại: Khu phố B, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Hồ Thanh T1, sinh năm 1966; trú tại: Số A, hẻm G, đường L, khu phố F, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T1: Ông Trần Quốc T2, sinh năm 1987; trú tại: số A, khu phố H, Phường T, tỉnh Tây Ninh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02-7-2025); có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: A đường B, N, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày: Bà T có cho bà Trần Hồ Thanh T1 vay tiền nhiều lần; khi vay bà T1 không làm giấy nhận nợ nhưng có xác nhận số tiền mượn bằng tin nhắn zalo, cụ thể:

- Ngày 12-8-2022 (DL) cho bà T1 mượn số tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 13-10-2022 (D) cho bà T1 mượn số tiền 300.000.000 đồng.
- Ngày 20-5-2023 (A) cho bà T1 mượn số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 20-8-2023 (DL) cho bà T1 mượn số tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 05-9-2023 (D) cho bà T1 mượn số tiền 500.000.000 đồng.
- Ngày 15-9-2023 (DL) cho bà T1 mượn số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 16-10-2023 (A) cho bà T1 mượn với số tiền 300.000.000 đồng.

- Tổng cộng bà T cho bà T1 mượn số tiền là 1.700.000.000 (Một tỷ, bảy trăm triệu) đồng. Đến ngày 16-01-2024 bà T1 làm giấy nhận nợ tổng cộng là 1.700.000.000 (Một tỷ, bảy trăm triệu) đồng; lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng; thời hạn vay: Sau 03 tháng trả gốc và trả một lần, nhưng đến hạn bà T1 không trả nợ gốc và lãi cho bà T.

Nay bà T yêu cầu bà Trần Hồ Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 1.700.000.000 (Một tỷ, bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi là 1.66%/tháng tính từ ngày 16-01-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Hồ Thanh T1 nhận được giấy triệu hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, có bản tự khai gửi qua đường bưu chính sau khi phiên tòa sơ thẩm mở lần 1 trình bày: Bà Trần Hồ Thanh T1 và bà T quen biết nhau nhiều năm; bà Nguyễn Thị Thu H là con ruột chồng sau của bà T1. Bà T1 giới thiệu bà H cho bà T để bà T cho bà H vay tiền; cụ thể:

Vào các ngày ghi rõ trong giấy nợ như: ngày 05 tây/2022 vay 500 triệu, ngày 12 tây/2022 vay: 200 triệu, ngày 15 tây/2022 vay: 100 triệu, ngày 20 tây/2022 vay 300 triệu, ngày 25 tây/2022 vay 250 triệu, ngày 20 âm lịch/2022 vay 150 triệu.

1. Tổng các khoản vay là 1.500.000.000 (Một tỷ, năm trăm triệu) đồng và ghi rõ các khoản vay này là của bà H vay. Ngày 16 âm lịch/2022 vay 300 triệu. Ngày 25/12 âm lịch/2022 trả 100 triệu đồng. Như vậy tổng khoản vay là 1.700.000.000 (Một tỷ, bảy trăm triệu) đồng. Ghi kèm dòng chữ “Mẹ mượn của dì Thuý dùm cho bà H đó”.

2. Tại trang 3 giấy tập viết ghi chốt lại các khoản nợ tổng cộng là: 1.700.000.000 (Một tỷ, bảy trăm triệu) đồng. Với nội dung ghi phía dưới là “Các khoản vay này tao mượn dùm cho con Nguyễn Thị Thu H và có nhờ mày đứng ra dùm nói là H ghi giấy nợ mượn của Nguyễn Thị Thanh T. Nếu sau này có trường hợp xấu xảy ra tao nhờ mày đứng đơn thừa nó dùm tao (T1)”.

Do đó, các khoản tiền vay này là bà H vay của bà T. Bà T1 không vay tiền của bà T. Cũng tại tập giấy viết này bà Nguyễn Thị Thu H chốt nợ lại với bà T1 với khoản nợ là 1.500.000.000 (Một tỷ, năm trăm triệu) đồng.

3. Bà H đã trả được thêm 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng thông qua chuyển khoản nhờ số tài khoản của anh Hồ Trần Minh M là con ruột của bà T chuyển cho dì T1 vào ngày (gửi kèm phiếu chuyển tiền).

4. Ngoài ra, cuộc ghi âm nói chuyện giữa bà T1 và bà T xác nhận nội dung khoản nợ này là của bà H vay và bà T1 thừa nhận là bà T có đứng ra dùm nói chuyện cho hai bên (Gửi kèm đoạn USB ghi âm).

5. Mặc khác, trước đó bà T có làm đơn khởi kiện bà H với khoản nợ trên tại Toà án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó kết quả giải quyết như thế nào thì bà T1 không rõ.

Từ những phân tích trên bà T1 đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với việc bà T1 có vay số tiền: 1.500.000.000 (Một tỷ, năm trăm triệu) đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu H không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Huỳnh Tuyết Á là người đại diện cho nguyên đơn bà T trình bày: Bà T yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền vay còn nợ tổng cộng là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi tính là 1.66%/ tháng tính từ ngày 16-01-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, tương ứng số tiền 386.634.000 đồng. Tổng cộng bà T1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà T tổng cộng là 2.086.634.000 đồng. Ông M, bà H không liên quan trong vụ án này. Ngoài khoản nợ trên không còn khoản nợ nào khác.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 11-3-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Trần Hồ Thanh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Hồ Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.795.948.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, tiền lãi là 95.948.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 11-4-2025, bà Trần Hồ Thanh T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Hồ Thanh T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo bà Trần Hồ Thanh T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vì số tiền nợ này bà mượn dùm cho bà H, nhận thấy:

Theo bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: bà T cho bà T1 vay tiền nhiều lần và bà T1 có làm giấy nhận nợ bà T tổng cộng là 1.700.000.000 đồng. Bà Trần Hồ Thanh T1 trình bày cho rằng số tiền này bà T1 vay tiền dùm cho bà H nên bà T1 không đồng ý trả nợ, nhưng bà T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà T1 và không được bà T đồng ý; do đó, giữa bà T1 và bà H có phát sinh tranh chấp được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, theo bà T1, bà T xác định việc bà T1 có lập “Giấy vay tiền” thể hiện nội dung: “.... bà Trần Hồ Thanh T1 có vay của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tổng cộng trước sau các khoản vay là 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng....” và ghi nhận người vay là bà Trần Hồ Thanh T1 ký tên nhận nợ; do đó cấp sơ thẩm buộc bà T1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà T số tiền 1.795.948.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, tiền lãi là 95.948.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà T1 trình bày, bà T1 đã trả nhiều hơn số tiền theo giấy nhận nợ và yêu cầu được khấu trừ số tiền bà T1 đã trả cho bà T, nhưng ông T2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận lời trình bày của ông T2.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Hồ Thanh T1; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà thuý phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Hồ Thanh T1;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2025/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Trần Hồ Thanh T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Hồ Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.795.948.000 (Một tỷ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, tiền lãi là 95.948.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Hồ Thanh T1 không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Trần Hồ Thanh T1 còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Hồ Thanh T1 phải chịu 65.878.440 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền 16.965.700 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003493 ngày 18-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Hồ Thanh T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004342 ngày 11-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4 Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh;
- THADS Khu vực 10, tỉnh Tây Ninh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn